

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 82/2023/HS- ST
Ngày: 24/8/2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐIỆN BIÊN ĐÔNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Cà Mạnh Hải.

Bà Đồng Thị Nhung.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Tiến Trường - Thư ký Toà án nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Điện Biên Đông, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà: Ông Thảo A Sùng - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, Tòa án nhân dân huyện Điện Biên Đông xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2023/TLST- HS ngày 26 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2023/QĐXXST- HS ngày 14 tháng 8 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Sùng A S (tên gọi khác: không), sinh ngày 27 tháng 10 năm 1979 tại tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản P, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Nông nghiệp. Trình độ học vấn: 04/12. Dân tộc: Mông. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Sùng Giống S (đã chết) và bà Hạng Thị D (tên gọi khác: Hạng Thị G) (đã chết). Vợ là Hạng Thị D, sinh năm 1985 và 06 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2021. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Về nhân thân: Theo bản án số 44/HS-ST ngày 18/9/2019 của Tòa án nhân dân huyện Đ, S bị xử phạt tù 01 năm về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, đến ngày 19/6/2020 chấp hành xong về địa phương, đã được xóa án tích. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2023 đến ngày 16/4/2023 tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Lò Văn T (tên gọi khác: không), sinh năm 1980 tại huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nơi cư trú: Bản C, xã N, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Nghề nghiệp: Nông nghiệp. Trình độ học vấn: không học. Dân tộc: Thái. Giới tính: Nam. Tôn giáo: Không. Quốc tịch: Việt Nam. Con ông: Lò Văn B (đã chết) và bà Lò Thị N, sinh năm 1959. Vợ là Lường Thị B, sinh năm 1979 và 04 người con, con lớn nhất sinh năm 1997, con nhỏ nhất sinh năm 2004. Tiền án: Không. Tiền sự: Không. Về nhân thân: chưa bị xét xử, chưa bị xử lý về hành vi gì. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 07/4/2023 đến ngày 16/4/2023 tạm giam cho đến nay. Bị cáo có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 19/01/2023, S được anh trai ruột Sùng Giảm C cho 02 gói Heroine để sử dụng và bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. S nhận 02 gói Heroine của C cất túi quần mang về nhà chia nhỏ sử dụng nhiều lần, đến khoảng 10 giờ ngày 07/4/2023 S bán cho T một gói nhỏ Heroine với giá 100.000đ tại nhà của S. Sau khi bán xong, S đi làm việc, còn T tự ý bẻ một ít Herone mua được sử dụng tại nhà S, không ai biết, số còn lại T gói trong một mảnh nilon màu hồng cầm trong lòng bàn tay đi bộ về nhà. Khi T đi đến khu vực nương thuộc bản C, xã N thì bị phát hiện, bắt quả tang, bị thu giữ 01 gói nilon màu hồng nhỏ bên trong có chứa chất bột nén màu trắng nghi là Heroine.

Cùng ngày 07/4/2023, Cơ quan điều tra Công an huyện Đ ra lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Sùng Khu S, qua kiểm tra trên người S phát hiện thu giữ 02 gói nilon màu hồng và 100.000đ (gồm 01 tờ mệnh giá 50.000đ có số mã hiệu RE 22867224; 02 tờ tiền mệnh giá 20.000đ có số mã hiệu LF 21599361 và NE 21595898; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ có số mã hiệu SM 19076564) trong túi quần bên phải mà S đang mặc.

Theo biên bản cân xác định khối lượng, trích mẫu giám định ngày 07/4/2023, và Kết luận giám định số 618/KL-KTHS ngày 15/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

- + Khối lượng chất bột trắng (trong gói nilon màu hồng) thu giữ của T có khối lượng 0,27 gam, mẫu trích 0,09 gam gửi giám định là ma túy loại Heroine.

- + Khối lượng chất bột trắng (trong 02 gói nilon màu hồng) thu giữ S có khối lượng là 2,82 gam, mẫu trích 0,73 gam gửi giám định là chất ma túy, loại Heroine.

Theo Kết luận số 620/KL-KTHS ngày 16/4/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Điện Biên kết luận: Các tờ tiền gồm 01 tờ mệnh giá 50.000đ có số mã hiệu RE 22867224; 02 tờ tiền mệnh giá 20.000đ có số mã hiệu LF 21599361 và NE 21595898; 01 tờ tiền mệnh giá 10.000đ có số mã hiệu SM 19076564 đều là tiền thật.

Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác định được Sùng Giảm C, sinh năm 1973, trú tại bản P, xã P, huyện Đ là anh trai của bị cáo S đã chết vào ngày 20/01/2023 do bị bệnh.

Tại Cáo trạng số 52/CT-VKSĐBD ngày 25 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố các bị cáo như sau:

- + Truy tố bị cáo S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

- + Truy tố bị cáo T về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa: đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Điện Biên giữ quyền công tố, giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng: khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo S từ 04 năm 6 tháng đến 05 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

+ Áp dụng: điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo T từ 12 tháng đến 15 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy.

+ Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

+ Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy: 0,18 gam Heroine còn lại sau giám định thu của bị cáo Lò Văn T; Tịch thu tiêu hủy 2,09 gam Heroine còn lại sau giám định thu của bị cáo Sùng Khu S, 01 mảnh nilon màu hồng thu của Lò Văn T, 02 mảnh nilon màu hồng thu của Sùng Khu S, tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

+ Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

Tại phiên tòa: Các bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố, không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời nói sau cùng các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét hành của các bị cáo S và T bị truy tố:

Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo S và T đều khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản mở niêm phong xác định khối lượng; Kết luận giám định, Kết luận điều tra, các bản cung, biên bản ghi lời khai, bản tự khai có trong hồ sơ vụ án cũng như Cáo trạng đã truy tố. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở khẳng định:

Vào ngày 07/4/2003, bị cáo S đã có hành vi bán trái phép cho T 01 gói Heroine, số ma túy còn lại S cất giấu chưa kịp sử dụng và bán có khối lượng bị bắt giữ là 2,82 gam. Số ma túy bị cáo bán cho Lò Văn T, sau khi T sử dụng còn lại 0,27 gam. Với hành vi trên, S phải chịu trách nhiệm đối với tổng 3,09 gam Heroine. Bản thân bị cáo S đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý, mục đích tàng trữ sử dụng và bán và thực tế đã bán trái phép cho Lò Văn T. Hành vi trên là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước. Hành vi đó đã đủ các yếu tố cấu thành tội "Mua bán trái phép chất ma túy" quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố.

Đối với hành vi của bị cáo T thấy rằng, vào ngày 07/4/2023 T có hành vi mua

01 gói Heroine của Snhằm mục đích về sử dụng. Sau khi mua được bị cáo đã sử dụng số còn lại bị bắt quả tang có khối lượng 0,27 gam mục đích cất giấu sử dụng dần. Bản thân bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi đó là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự như Cáo trạng đã truy tố.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa đã làm rõ về hành vi của bị cáo T sau khi mua được ma túy từ bị cáo Svào ngày 07/4/2023, bị cáo T tự ý lấy ma túy ra sử dụng tại nhà của S sau đó mới đi về, việc này bị cáo S và các thành viên gia đình của S không ai biết. Do đó, Cơ quan điều tra không đề cập xử lý, Viện kiểm sát không truy tố về hành vi chứa chấp việc sử dụng trái phép chất ma túy là đúng quy định của pháp luật.

[2] Xét tính chất của vụ án: Vụ án thuộc trường hợp nghiêm trọng, nguyên nhân phạm tội là do các bị cáo đua đòi bè bạn, thiếu ý thức chấp hành pháp luật nên sử dụng chất ma túy dẫn đến nghiện, từ nghiện chất ma túy nên bị cáo S lấy số ma túy được anh trai cho về sử dụng và bán, bị cáo T mua về tàng trữ sử dụng dần dần đến phạm tội như ngày hôm nay. Trong vụ án trên, các bị cáo thực hiện hành vi độc lập bị cáo S bán trái phép chất ma túy, bị cáo T tàng trữ trái phép chất ma túy, mục đích của hành vi phạm tội là khác nhau, cho nên các bị cáo sẽ phải chịu trách nhiệm độc lập đối với hành vi phạm tội của mình.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của các bị cáo:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điều 52 Bộ luật Hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự cần áp dụng cho các bị cáo.

- Về nhân thân: Bị cáo S từng bị xét xử về tội tàng trữ trái phép chất ma túy vào năm 2019, tuy nhiên đến lần phạm tội này đã được xóa án tích nhưng cho thấy bị cáo S cố tình coi thường pháp luật, không kiên quyết cai nghiện, từ bỏ chất ma túy. Trong lần phạm tội này bị cáo không những tàng trữ sử dụng mà còn bán lẻ kiếm lời gây ảnh hưởng xấu trật tự trị an xã hội. Bị cáo có nhân thân xấu cần phải xử lý nghiêm minh.

Bị cáo T bản thân chưa có tiền án, tiền sự, vì không làm chủ được bản thân đua đòi bè bạn dẫn đến nghiện chất ma túy, làm ảnh hưởng xấu đến gia đình, xã hội cũng cần xử lý nghiêm minh.

Như vậy, phân tích đề xuất về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân các bị cáo của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ cần chấp nhận.

[4]. Về hình phạt :

Hình phạt chính: Từ phân tích tại các mục [1, 2, 3] trên Hội đồng xét xử chấp nhận mức đề xuất của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt chính là hình phạt tù có thời hạn đối với các bị cáo để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân sống có ích cho gia đình và xã hội.

Hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính các bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo là người nghiện ma túy, không có tài sản riêng, gia đình có hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên không có khả năng thi hành án. Do vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo như đề xuất của đại diện Viện kiểm.

[5] Về vật chứng vụ án gồm: 0,18 gam Heroine còn lại sau giám định thu của bị cáo Tvà 2,09 gam Heroine còn lại sau giám định thu của bị cáo Slà vật Nhà nước cầm tàng trữ nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 mảnh nilon màu hồng dùng gói chất ma túy thu của bị cáo T và 02 mảnh nilon màu hồng dùng gói chất ma túy thu của bị cáo S không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy theo điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với số tiền 100.000đ thu của bị cáo S đây là số tiền bị cáo bán ma túy cho Lò Văn T, là số tiền do phạm tội mà có cần tịch thu sung ngân sách Nhà nước theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng:

Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Cơ quan truy tố, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

[7] Về án phí: Tại phiên tòa các bị cáo xin miễn án phí do là người dân tộc thiểu số sinh sống tại xã có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn. Gia đình các bị cáo đều thuộc hộ nghèo. Theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Hội đồng xét xử cần xem xét miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

[8] Về kháng cáo: Các bị cáo có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[9] Các vấn đề khác: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã xác định được Sùng Giã C, sinh năm 1973, trú tại bản P, xã P, huyện Đ là anh trai của bị cáo Sđã

chết vào ngày 20/01/2023 do bị bệnh nên không điều tra làm rõ về hành vi cho S ma túy để bán. Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng: Khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Tuyên bố: Bị cáo S (tên gọi khác: không) phạm tội: "*Mua bán trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo S04 năm 06 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (07/4/2023).

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự. Tuyên bố: Bị cáo T (tên gọi khác: không) phạm tội: "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Xử phạt bị cáo T01 năm 03 tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (07/4/2023).

2. Về vật chứng vụ án: Căn cứ điểm b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự và điểm a, b, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

+ Tịch thu tiêu hủy: 0,18 gam Heroine (vật chứng còn lại sau giám định) và 01 mảnh nilon màu hồng thu của Lò Văn T.

+ Tịch thu tiêu hủy: 2,09 gam Heroine (vật chứng còn lại sau giám định) và 02 mảnh nilon màu hồng thu của Sùng Khu S.

+ Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng).

Vật chứng đã được niên phong bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 26/7/2023 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Đ và Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điểm d khoản 1 Điều 12; khoản 6 Điều 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (24/8/2023).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Nhà tạm giữ CAHĐB;
- VKSND H. Điện Biên;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT CAHĐB;
- Hồ sơ THA hình sự;
- Chi cục THADS HĐB;
- Tòa án ND tỉnh Điện Biên;
- Bộ phận HSNV C.an HĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Sở tư pháp;

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Nga

- Lru VP.

